

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP CHO SINH VIÊN SỰ PHẠM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Nguyễn Ngọc Dung

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, bên cạnh các môn học, còn có hoạt động giáo dục bắt buộc là Hoạt động trải nghiệm (cấp tiểu học) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông). Để triển khai có hiệu quả nội dung hoạt động giáo dục này, bên cạnh việc rèn luyện các năng lực sự phạm nói chung, sinh viên sư phạm cần được rèn luyện năng lực tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu và đề xuất biện pháp phát triển năng lực tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho sinh viên sư phạm khối trung học tại Trường Đại học thủ đô Hà Nội.

Từ khoá: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; Hoạt động trải nghiệm; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Sinh viên sư phạm.

Nhận bài ngày 28.12.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 28.03.2024

Liên hệ tác giả: Nguyễn Ngọc Dung; Email: [nondung@daihocthudo.edu.vn](mailto: nondung@daihocthudo.edu.vn)

1. MỞ ĐẦU

Theo chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018: “Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (TNHN) là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai” [1; tr 3].

Có thể thấy chương trình hoạt động TNHN có vai trò tích cực trong việc hình thành phẩm chất và năng lực cần thiết cho học sinh theo định hướng của chương trình GDPT 2018, bao gồm các phẩm cốt lõi (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) cùng các năng lực đặc thù (thích ứng với cuộc sống, thiết kế và tổ chức hoạt động và định hướng nghề nghiệp). Nội dung chương trình hoạt động TNHN khá mới, được thực hiện trải dài trong năm học với thời lượng 105 tiết/năm gồm 3 loại hình (Sinh hoạt dưới cờ, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Sinh hoạt lớp) với sự phối hợp thực hiện của nhiều lực lượng giáo

dục như giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học, cán bộ tư vấn tâm lý học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, cán bộ quản lý nhà trường, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương... [2; tr 44]. Mặc dù là hoạt động giáo dục bắt buộc trong chương trình GDPT nhưng không có đội ngũ giáo viên chuyên trách mà đòi hỏi tất cả các giáo viên của các môn học đều phải có năng lực tổ chức hoạt động TNHN [3; 184]. Trong khi đó, chương trình, nội dung, phương thức đào tạo giáo viên hiện nay chủ yếu tập trung vào nhiệm vụ dạy tri thức nghề cho sinh viên [4; tr 135]. Do đó, để tổ chức hoạt động TNHN thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới, đòi hỏi các trường sư phạm nói chung và Trường Đại học Thủ đô nói riêng cần quan tâm đến việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động TNHN cho sinh viên của các ngành đào tạo giáo viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Năng lực và năng lực tổ chức hoạt động TNHN

- Năng lực

Theo Từ điển bách khoa Việt Nam - tập 3 (2011): “năng lực được coi là đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo, tức là có thể thực hiện một cách thành thực và chắc chắn một số dạng hoạt động nào đó” [5, tr 41]. Theo Lê Đình Trung và Phan Thị Thanh Hội (2016) “năng lực là những khả năng, kĩ xảo học được hay sẵn có của cá nhân nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội... và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt bằng những phương tiện, biện pháp và cách thức phù hợp” [6; tr 13]. Có thể nói rằng: “Năng lực” là một khái niệm được hiểu theo những cách khác nhau theo những giai đoạn lịch sử và theo các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau của các tác giả. Theo chúng tôi, năng lực là tổng hòa của 3 yếu tố chủ yếu: kiến thức, kĩ năng và thái độ sử dụng để giải quyết một vấn đề cụ thể trong một bối cảnh cụ thể. Nói khác đi, năng lực có ở một con người phải được bộc lộ ra ngoài thông qua việc giải quyết một vấn đề cụ thể trong một bối cảnh cụ thể. Như vậy, có thể thấy mặc dù khái niệm “năng lực” được xem xét ở các góc độ khác nhau, nhưng khi nhắc đến “năng lực” là phải đề cập đến khả năng thực hiện, tức là phải biết và làm (know-how), chứ không phải chỉ biết và hiểu (know-what).

- Năng lực tổ chức hoạt động TNHN

Trên cơ sở kế thừa các khái niệm “năng lực” và “HĐTN và hoạt động TNHN ” đã được các tác giả đưa ra, Dương Thị Kim Oanh và cộng sự (2023) đã nêu ra khái niệm sau đây: “Năng lực tổ chức hoạt động TNHN là sự thực hiện có kết quả tốt việc thiết kế, triển khai và đánh giá kết quả các hoạt động tiếp cận thực tế, thể nghiệm cảm xúc, áp dụng kiến thức, kĩ năng của các môn học vào giải quyết những tình huống học tập trong bối cảnh có ý nghĩa của học sinh”. Năng lực tổ chức HĐTN có thể xem là sự kết hợp giữa năng lực dạy học và năng lực giáo dục của giáo viên, trong đó giáo viên thực hiện có kết quả tốt các giai đoạn của quá trình dạy học và giáo dục gồm thiết kế, triển khai và đánh giá kết quả thực hiện HĐTN của học sinh [7; tr 15].

Theo Dương Thị Kim Oanh và cộng sự (2023), khung năng lực tổ chức HĐTN cho sinh viên sư phạm thành 3 năng lực thành phần: (1) Năng lực lập kế hoạch tổ chức HĐTN; (2) Năng lực triển khai HĐTN; (3) Năng lực kiểm tra - đánh giá kết quả giáo dục. Trong từng tiểu năng lực sẽ có các năng lực thành phần; mỗi năng lực thành phần đã hàm chứa các kiến thức, kĩ năng, giá trị, thái độ trong từng chỉ báo năng lực [7; tr 17-18].

Bảng 1. Khung năng lực tổ chức HĐTN cho sinh viên sư phạm [7; tr 18]

Tiêu năng lực	Năng lực thành phần	Chỉ báo năng lực
1. Lập kế hoạch tổ chức HĐTN	1.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục HĐTN (năm học)	<p>Phân tích nội dung phân phối chương trình HĐTN mà tổ bộ môn đã thống nhất.</p> <p>1.1.1. Xác định tên các chủ đề tương ứng với từng loại hình tổ chức HĐTN.</p> <p>1.1.2. Xác định số tiết của từng chủ đề.</p> <p>1.1.3. Xác định thời điểm, địa điểm tổ chức của từng chủ đề.</p> <p>1.1.4. Xác định các thiết bị giáo dục cho từng chủ đề.</p>
	1.2. Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN theo chủ đề	<p>Xác định mục tiêu chủ đề giáo dục</p> <p>1.2.1. Xác định các yêu cầu cần đạt (của Chương trình HĐTN/ HĐTN, hướng nghiệp) mà chủ đề hướng tới.</p> <p>1.2.2. Xác định đặc điểm HS, môi trường giáo dục.</p> <p>1.2.3. Xác định cụ thể yêu cầu HS cần làm được (năng lực chung và năng lực đặc thù) trong chủ đề để đạt mục đích của chương trình.</p> <p>1.2.4. Ghi rõ biểu hiện hành vi của phẩm chất mà HS thể hiện được trong chủ đề.</p>
	<p>Xác định nội dung chủ đề giáo dục</p> <p>1.2.5. Xác định các cơ sở lựa chọn nội dung giáo dục.</p> <p>1.2.6. Xác định các nội dung GD đầy đủ, phù hợp và khoa học.</p> <p>1.2.7. Xác định nội dung giáo dục trọng tâm.</p>	
	<p>Thiết kế chuỗi các hoạt động giáo dục</p> <p>1.2.8. Thiết kế chuỗi các hoạt động phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục của chủ đề.</p> <p>1.2.9. Thiết kế mục tiêu của từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu chủ đề.</p> <p>1.2.10. Phát triển nội dung của từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của hoạt động.</p> <p>1.2.11. Xác định sản phẩm của từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của hoạt động.</p> <p>1.2.12. Mô tả cách thức tổ chức từng hoạt động rõ ràng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của hoạt động.</p> <p>1.2.13. Lựa chọn phương tiện giáo dục và học liệu phù hợp với mỗi hoạt động.</p>	
	<p>Thiết lập phương án kiểm tra – đánh giá kết quả giáo dục cho chủ đề</p> <p>1.2.14. Xác định mục đích đánh giá phù hợp với chủ đề.</p>	
<p>1.2.15. Lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực phù hợp với mục đích.</p> <p>1.2.16. Đề xuất phương án kiểm tra – đánh giá kết quả giáo dục cho chủ đề.</p>		

2. Triển khai HĐTN	2.1. Tổ chức các phương thức trải nghiệm	2.1.1. Chuyển giao các nhiệm vụ trải nghiệm cho HS một cách sinh động, hấp dẫn. 2.1.2. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia HĐTN. 2.1.3. Theo dõi, phát hiện kịp thời những khó khăn của HS. 2.1.4. Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của HS. 2.1.5. Điều chỉnh linh hoạt các hoạt động trước những thay đổi về điều kiện thực tiễn.
	2.2. Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác	2.2.1. Thảo luận với các lực lượng giáo dục liên quan về kế hoạch triển khai HĐTN (mục tiêu, nội dung, phương thức). 2.2.2. Lắng nghe, phản hồi tích cực với ý kiến của các lực lượng giáo dục về HĐTN. 2.2.3. Tìm kiếm sự hỗ trợ về nhân lực và vật lực từ các lực lượng giáo dục khác. 2.2.4. Thuyết phục các lực lượng giáo dục đồng thuận với một số đề nghị hỗ trợ.
	2.3. Sử dụng tài liệu và phương tiện giáo dục	2.3.1. Sử dụng các tài liệu và phương tiện giáo dục vật chất theo đúng kế hoạch và mang lại hiệu quả sư phạm. 2.3.2. Sử dụng các tài liệu và phương tiện giáo dục số theo đúng kế hoạch và mang lại hiệu quả sư phạm. 2.3.3. Xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình sử dụng tài liệu và phương tiện giáo dục.
3. Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục	3.1. Phát triển và triển khai công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục	3.1.1. Phát triển công cụ kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục đảm bảo tính giá trị và tính tin cậy. 3.2.2. Sử dụng các công cụ kiểm tra, đánh giá đã thiết kế để thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết. 3.3.3. Hướng dẫn học sinh và các bên liên quan sử dụng các công cụ tự đánh giá và đánh giá đánh giá chéo rõ ràng.
	3.2. Phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá	3.2.1. Thu hồi và tổng hợp có hệ thống các sản phẩm hoạt động của học sinh, các công cụ đã đánh giá. 3.2.2. Phân tích những biểu hiện về phẩm chất và năng lực mà học sinh thể hiện. 3.2.3. Đưa ra các nhận định về trình độ phẩm chất và năng lực của từng học sinh và tập thể lớp.
	3.3. Vận dụng kết quả kiểm tra, đánh giá	3.3.1. Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để phản hồi và định hướng cho học sinh tự rèn luyện. 3.3.2. Điều chỉnh, cải tiến chất lượng các HĐTN. 3.3.3. Ghi nhận xét, tổng hợp kết quả giáo dục cho học sinh trong HĐTN.

2.2. Sự cần thiết của việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động TNHN cho sinh viên sư phạm tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Trong chương trình GDPT 2018, nội dung hoạt động TNHN có tính mở, tính linh hoạt cao, cơ sở giáo dục và giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, phương thức, không gian, thời gian hoạt động phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nhà trường, lớp học trên nguyên tắc bảo đảm mục tiêu giáo dục và các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với mỗi lớp học, cấp học. Điều này đòi hỏi, giáo viên cần nắm bắt được những yêu cầu thuộc về “phần cứng” trong chương trình; mặt khác, cần có kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Có như vậy mới có thể góp phần thực hiện thành công mục tiêu của chương trình GDPT nói chung và chương trình hoạt động TNHN nói riêng trong việc hình thành phẩm chất và năng lực cho học sinh [3; tr183].

Mặc dù không có giáo viên chuyên trách nhưng HĐTNNH vẫn được xây dựng kế hoạch và triển khai tương tự như các môn học trong chương trình. Điều này đồng nghĩa sinh viên phạm phải có hiểu biết về hoạt động TNHN, cách thức tổ chức và triển khai được hoạt động TNHN trong thực tế. Năng lực tổ chức hoạt động TNHN vì thế sẽ là một yêu cầu bắt buộc trong chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT) khối ngành sư phạm.

Tuy nhiên, trong các chương trình đào tạo khối ngành sư phạm của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội hiện nay còn thiếu sự có mặt của học phần độc lập về phát triển năng lực tổ chức hoạt động TNHN cho sinh viên. Nội dung liên quan đến hoạt động TNHN mới được lồng ghép trong các học phần Giáo dục học và Nghiệp vụ sư phạm với thời lượng khá khiêm tốn. Chẳng hạn, trong chương trình đào tạo của một số ngành như Sư phạm Lịch sử, Vật lý có học phần về hoạt động TNHN, tuy nhiên chủ yếu đề cập đến góc độ trải nghiệm trong môn học. Có thể nói, trong chương trình đào tạo các ngành sư phạm bậc trung học tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội hiện nay đang thiếu vắng học phần riêng về phương pháp tổ chức hoạt động TNHN. Điều này đòi hỏi việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động TNHN cần được đặt ra song hành với quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành sư phạm khối trung học trong thời gian tới.

2.3. Một số biện pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động TNHN cho sinh viên sư phạm tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.3.1. Phát triển chương trình đào tạo các ngành sư phạm khối trung học theo hướng xác định CĐR và thiết kế học phần về năng lực tổ chức hoạt động TNHN

- *Mục đích biện pháp:* Sinh viên được tiếp cận với nội dung kiến thức về hoạt động TNHN, rèn luyện kỹ năng để hình thành năng lực tổ chức hoạt động TNHN.

- *Nội dung biện pháp:* Bổ sung CĐR về năng lực tổ chức hoạt động TNHN và đưa học phần về phương pháp tổ chức hoạt động TNHN vào chương trình đào tạo các ngành đào tạo giáo viên khối trung học của trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

- *Cách tiến hành biện pháp:*

+ Rà soát CTĐT của các ngành đào tạo giáo viên khối trung học

Hiện nay ở trường Đại học Thủ đô Hà Nội đang triển khai đào tạo 7 ngành thuộc khối ngành sư phạm hệ trung học bao gồm Sư phạm Ngữ Văn, Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Lịch sử, Giáo dục công dân (do Khoa Sư phạm quản lý), Sư phạm Tin học (thuộc Khoa Khoa học tự nhiên và công nghệ) và Giáo dục thể chất (thuộc Khoa Khoa học thể thao và sức khỏe). Ngoài ra, Nhà trường đang triển khai mở thêm một số mã ngành như Lịch Sử - Địa lý, Khoa học tự nhiên và Sư phạm Tiếng Anh. Trong thời gian tới, cần tiến hành rà soát CTĐT của tất cả các ngành để có định hướng phù hợp cho việc bổ sung CĐR về năng lực tổ chức hoạt động TNHN.

+ Thiết kế học phần về phương pháp tổ chức hoạt động TNHN

Trên cơ sở chuẩn đầu ra đã xác định, Nhà trường chỉ đạo các khoa và bộ môn liên quan phối hợp thiết kế học phần Phương pháp tổ chức hoạt động TNHN để đưa vào CTĐT các ngành sư phạm khối trung học. Khác với các học phần về PPDH các môn chuyên ngành, học phần này có thể được coi là môn chung đối với sinh viên khối ngành sư phạm trong toàn trường.

- *Điều kiện thực hiện biện pháp:*

+ Việc điều chỉnh CĐR và khung CTĐT cần được thực hiện theo quy trình chặt chẽ từ khảo sát, xin ý kiến các bên liên quan... để đảm bảo tính khoa học, hợp lý.

+ Đảm bảo nguyên tắc SMART (tính rõ ràng, cụ thể - Specific, đo lường được - Measurable; tính khả thi, có thể đạt được - Attainable; tính thực tiễn - Relevant; xác định được thời gian hoàn thành - Time-bound) trong xây dựng CDR.

Việc xây dựng CDR về năng lực tổ chức hoạt động TNHN là căn cứ để bổ sung học phần liên quan vào khung CTĐT cũng như xây dựng đề cương chi tiết học phần nhằm đáp ứng CDR đã xác định. Trên cơ sở khung năng lực tổ chức HĐTN, mục tiêu và CDR của CTĐT hiện hành của khối ngành sư phạm, chúng tôi đề xuất CDR về năng lực tổ chức HĐ TNHN như sau:

Bảng 2: Chuẩn đầu ra về năng lực tổ chức hoạt động TNHN

CDR	Chỉ báo
Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tổ chức hoạt động TNHN ở trường trung học.	Phân tích được nội dung, yêu cầu cần đạt, phân phối chương trình hoạt động TNHN.
	Xây dựng được kế hoạch giáo dục hoạt động TNHN theo khối lớp.
	Thiết kế và thực hiện được hoạt động giáo dục theo chủ đề.
	Trình bày được các bước thiết kế và sử dụng các công cụ đánh giá kết quả giáo dục.

2.3.2. Bổ sung yêu cầu về tổ chức hoạt động TNHN vào nội dung thực tập sư phạm

- *Mục đích biện pháp:* Sinh viên có cơ hội thực hành tổ chức hoạt động TNHN trong môi trường dạy học thực tế.

- *Nội dung của biện pháp:* Bổ sung yêu cầu dự giờ và tổ chức hoạt động TNHN (loại hình hoạt động giáo dục theo chủ đề) vào nội dung thực tập sư phạm.

- *Cách tiến hành biện pháp*

+ Rà soát nội dung thực tập sư phạm (TTSP) trong CTĐT các ngành sư phạm.

Theo CTĐT khối ngành sư phạm của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội hiện nay, trong suốt quá trình đào tạo, sinh viên sẽ tham gia 3-4 đợt TTSP. Trong các đợt TTSP này, ngoài việc dự giờ, thực hành giảng dạy, sinh viên phải tham gia các hoạt động giáo dục khác, trong đó có Sinh hoạt dưới cờ và Sinh hoạt lớp. Tuy nhiên, dự giờ và triển khai hoạt động giáo dục theo chủ đề (một loại hình đặc thù của HĐTNHN theo quy mô lớp học do giáo viên chủ nhiệm hoặc bộ môn đảm nhận) hầu như chưa được đưa vào nội dung TTSP của các ngành.

+ Điều chỉnh đề cương chi tiết học phần TTSP theo hướng bổ sung yêu cầu bắt buộc về dự giờ và tổ chức tiết hoạt động giáo dục theo chủ đề đối với sinh viên trong quá trình thực tập ở trường phổ thông.

- *Điều kiện thực hiện biện pháp*

+ Các khoa chịu trách nhiệm quản lý các ngành đào tạo giáo viên trong toàn trường và Phòng chức năng về quản lý đào tạo cần có sự thống nhất chung về nội dung TTSP nói chung và việc bổ sung yêu cầu về tổ chức hoạt động TNHN nói riêng.

+ Sinh viên cần được học các học phần liên quan đến phương pháp tổ chức hoạt động TNHN trước khi đi thực tập ở trường phổ thông.

3. KẾT LUẬN

Trong chương trình GDPT năm 2018, hoạt động TNHN là hoạt động giáo dục bắt buộc ở trường THCS và THPT. Tuy nhiên, ở các nhà trường hiện nay, không có đội ngũ giáo viên chuyên trách đảm nhận hoạt động giáo dục này. Điều này đồng nghĩa, các giáo viên bộ môn đều có thể đóng vai trò là chủ thể chính trong việc tham gia tổ chức hoạt động TNHN. Điều này đòi hỏi các trường sư phạm, trong đó

có trường Đại học Thủ đô Hà Nội cần sớm có phương án trong việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động TNHN cho sinh viên. Trong đó, vấn đề căn cốt là cần rà soát và chỉnh sửa CTĐT sao cho sinh viên có cơ hội được học tập các học phần liên quan đến phương pháp tổ chức HĐTNHN, đồng thời được thực hành, rèn luyện trong môi trường thực tiễn thông qua các đợt TTSP tại trường phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).
3. Tiêu Thị Mỹ Hồng (2019). Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho sinh viên sư phạm đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Hội thảo Quốc tế lần thứ nhất về đổi mới đào tạo giáo viên.
4. Hồ Thị Dung (2016). Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho sinh viên các trường sư phạm hiện nay. *Tạp chí Khoa học giáo dục* số 133 tháng 10/2016.
5. Lê Đình Trung - Phan Thị Thanh Hội (2016). Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Từ điển Bách khoa Việt Nam (2011) – Tập 3, NXB Từ điển bách khoa, tái bản năm 2011.
7. Dương Thị Kim Oanh, Nguyễn Văn Hiến (2023). Đề xuất khung năng lực tổ chức HĐTN cho sinh viên sư phạm. *Tạp chí Khoa học Giáo dục kỹ thuật* số 75B 02/2023.

DEVELOPING CAPACITY TO ORGANIZE EXPERIENTIAL AND CAREER GUIDANCE ACTIVITY FOR PEDAGOGY STUDENTS AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Abstracts: *According to the general education curriculum 2018, in addition to subjects, there is a compulsory educational activity called Experiential activity (at Elementary schools) and Experiential and Career guidance activity (at Secondary and High schools). To effectively deploy the content of this educational activity, pedagogical students need to be trained in the capacity to organize Experiential and Career guidance activity. Within the scope of this article, we focus on researching and proposing measures to develop the capacity to organize Experiential and Career guidance activity for pedagogical students at Hanoi Metropolitan University.*

Keywords: *General education curriculum 2018; Experiential activity; Experiential and Career guidance activity; The capacity to organize Experiential and Career guidance activity; Pedagogical students.*